TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 38/2019/QĐST-HNGĐ	*Tiên Yên, ngày 18 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa:

Chị Bế Thị B – sinh năm 1999 và anh Chu Văn H - sinh năm 1988; cùng địa chỉ: thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Bế Thị B và anh Chu Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: anh Chu Văn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Chu Thanh B – sinh ngày 04/5/2016 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chị Bế Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng trên tháng), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh H cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: chị Bế Thị B và anh Chu Văn H không có tài sản chung, không nợ chung. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Bế Thị B tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm gồm 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Tòa án chị đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008140 ngày 17/5/3029 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Chị B đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Tiên Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Yên;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án, quyết định.

(Đã ký)

Lý Văn Thái